

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 595/2022/HS-ST

Ngày: 28/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Hòa;
2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 573/2022/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 607/2022/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 12 năm 2022, đối với:

Bị cáo: Lê Quốc N, sinh năm 2004, tại Cà Mau. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT: Khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Khu phố H, phường AH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Bảo vệ. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: N. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Quốc S, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1983. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, giam giữ từ ngày 03/8/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam B5-Công an tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Hương Lộ 2, khu B, ấp PH, xã LH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc N và anh Đoàn Minh L, ngụ tại tổ B, ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang cùng làm việc tại Công ty Bảo vệ “Kim Thành” có địa chỉ tại khu phố 2, phường An Hoà, thành phố Biên Hoà. Khoảng 15 giờ ngày 03/8/2022, N và anh L đến uống nước tại quán “Cà phê 69” trên đường Hương Lộ 2, khu 3, ấp

Phước Hội, xã Long Hưng thành phố Biên Hoà của chị Nguyễn Thị M làm chủ. Trong lúc uống nước, N đi ra phía sau quán để đi vệ sinh thì phát hiện 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 11 Pro 5G của chị M đang để trên đầu tủ lạnh, nên N nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định trên, khi quay trở ra thì N đã lấy chiếc điện thoại của chị M bỏ vào túi quần phía sau bên phải rồi đi ra ngoài quán lấy xe mô tô của N (không rõ biển số) và điều khiển xe đi về Công ty. Tuy nhiên, do sợ bị phát hiện nên khi về đến đầu đường hẻm 35/9 đường Ngô Quyền, khu phố 2, phường An Hoà, thành phố Biên Hoà thì N nhặt một chiếc áo khoác ven đường để bọc chiếc điện thoại trộm cắp được rồi đem giấu vào ven đường và đi về Công ty. Khi N lấy chiếc điện thoại của chị M thì anh L nhìn thấy nên khi N đi ra khỏi quán thì anh Lý đã nói chị M kiểm tra lại điện thoại, sau khi chị M xác nhận bị mất điện thoại thì anh L đã đi về Công ty gặp N để hỏi và N đã thừa nhận việc lấy trộm điện thoại của chị M. Sau đó, anh Lý đã cùng N quay lại quán “Cà phê 69” gặp chị M để N thừa nhận sự việc rồi N đi đến Công an xã Long Hưng đầu thú. Công an xã Long Hưng đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà điều tra, xử lý.

Vật chứng trong vụ án, gồm:

- 01 (một) điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 11 Pro 5G Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho chị Nguyễn Thị M.

- 01 (một) chiếc áo khoác màu đen do Lê Quốc N nhặt bên đường dùng để cất giấu điện thoại.

- 01 (một) xe mô tô (không rõ biển số) do Lê Quốc N mượn của một người không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 359/KL-HĐĐGTS ngày 05/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Biên Hòa kết luận: 01 (một) điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 11 Pro 5G trị giá 5.978.350 (năm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm năm mươi) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 572/CT-VKSBH, ngày 25 tháng 11 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Quốc N về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, nêu tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quốc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Về án phí: bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/8/2022, Lê Quốc N đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 11 Pro 5G trị giá 5.978.350 (năm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm năm mươi) đồng của chị Nguyễn Thị M tại quán “Cà phê 69” trên đường Hương Lộ 2, khu 3, ấp Phước Hội, xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa. Sau đó, N đã đến Công an xã Long Hưng đầu thú.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản phạm tội đã thu hồi trả lại cho bị hại, được bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo là thành phần lao động nghèo, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[4] Về quyết định hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo; căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có nhiều

tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự ưu việt của pháp luật hình sự Việt N, đề cao tính nhân văn, nhân đạo đối với người có hành vi phạm tội, nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án nhận ra lỗi lầm, tích cực cải tạo để trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 11 Pro 5G Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho chị Nguyễn Thị M.

- 01 (một) xe mô tô (không rõ biển số) do Lê Quốc N mượn của một người không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

- 01 (một) chiếc áo khoác màu đen do Lê Quốc N nhặt bên đường dùng để cất giấu điện thoại trộm cắp, căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Quốc N 04 (bốn) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2022.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Quốc N, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc áo khoác màu đen do Lê Quốc N nhặt bên đường dùng để cất giấu điện thoại trộm cắp. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Quốc N phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an TP Biên Hòa;
- Chi cục THA DS TP Biên Hòa;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được